

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HƯNG YÊN
TỈNH HƯNG YÊN**

Bản án số: 19/2022/ HNGĐ - ST

Ngày 21/7/2022

"V/v Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN - TỈNH HƯNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Toà: Ông **Nguyễn Đăng Khuê**.

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1. Bà Vũ Thị Thùy Đông**
- 2. Bà Nguyễn Ngọc Mai**

Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thúy Hằng – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Đào Ngọc Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2022/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 về việc ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST - HNGĐ ngày 12/7/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Th**, sinh năm: 1988.

HKTT: Xóm 6, thôn Phương Tr, xã Phương Ch, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Chỗ ở: Thôn Tây L, xã Thủ S, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên.
(*vắng mặt có lý do*)

2. Bị đơn: Anh **Vũ Văn T**, sinh năm: 1984

HKTT: Xóm 6, thôn Phương Tr, xã Phương Ch, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. (*có mặt*)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Cháu Vũ Văn H, sinh ngày 26/3/2009; Cháu Vũ Bảo A, sinh ngày 02/3/2016.

Chỗ ở: Thôn Tây L, xã Thủ S, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện theo pháp luật cho cháu Hoàng, cháu A là anh Vũ Văn T và chị Phạm Thị Th là bố mẹ đẻ của các cháu.

4. Những người tham gia tố tụng khác:

- Bà Trần Thị G, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Xóm 6, thôn Phương Tr, xã Phương Ch, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. “*vắng mặt*”

- Anh Phạm Văn Q, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Thôn Tây L, xã Thủ S, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên. “*vắng mặt*”

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn chị Phạm Thị Th trình bày về quan hệ hôn nhân:

Chị và anh T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Phương Ch, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên vào năm 2007. Trước đó anh, chị có thời gian tìm hiểu khoảng vài tháng. Sau khi kết hôn chị về nhà anh T sống. Vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T chơi bời không chăm lo cho gia đình. Ngoài ra anh T còn sử dụng ma túy. Lúc lên cơn nghiện anh T mang hết đồ đạc gia đình đi cầm đồ hoặc bán, anh T còn lấy tiền của chị và bố mẹ anh T để đi mua ma túy sử dụng. Khi biết việc bản thân chị và gia đình hai bên cũng đã khuyên anh T nhiều nhưng không được. Anh T cũng đã hứa hẹn nhiều với chị nhưng sau đó không thay đổi. Tháng 4 năm 2019 do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Tây L, xã Thủ S, huyện Tiên Lữ ở. Do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, tháng 6/2019 thì chị đi Đài Loan lao động, đến đầu tháng 3/2022 chị về nước. Trong thời gian chị đi nước ngoài làm ăn anh Tiến ở nhà đã hai lần bị bắt và bị xử về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Anh T mới ra trại trở về địa phương sinh sống cùng bố mẹ chồng chị. Vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân hai vợ chồng không liên lạc với nhau, không ai quan tâm tới ai, anh, chị cũng chưa bao giờ nói chuyện cùng nhau để tìm biện pháp hàn gắn tình cảm với nhau. Thời gian chị đi nước ngoài làm việc chị vẫn gửi tiền về để ông bà nội chăm lo cho các con của anh, chị.

Đến nay vợ chồng sống ly thân cũng đã lâu, không ai quan tâm tới ai. Chị xác định không còn tình cảm với anh T. Theo chị được biết hiện nay anh T vẫn đang ở nhà, anh T biết việc chị gửi đơn xin ly hôn tại Tòa án, anh T đã nhận được giấy triệu tập của Tòa nhưng anh T cố tình không lên làm việc với Tòa để gây khó khăn cho chị. Chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh

Tiến. Do anh T cố tình không lên Tòa làm việc, chị đề nghị Tòa án không tổ chức tiến hành hòa giải cho tôi và anh T nữa.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Vũ Văn H, sinh ngày 26/3/2009 hiện cháu đang học lớp 7b trường trung học cơ sở A Viên, huyện Tiên L và cháu Vũ Bảo A, sinh ngày 02/3/2016, hiện tại cháu H đang sống cùng chị, còn cháu A các ngày trong tuần ở cùng anh T và ông bà nội, cuối tuần chị lại đón cháu về chơi với chị. Nếu vợ chồng ly hôn nguyện vọng của chị Th xin nhận nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh T cấp dưỡng hàng tháng cho các con. Bản thân anh T là người nghiện ma túy không có công việc và thu nhập ổn định. Bố mẹ chồng chị đã già nên không có điều kiện chăm lo cho cháu Vũ Bảo A. Hiện chị đang là công nhân công ty may tại công ty may Tiên Hưng có trụ sở tại huyện Tiên Lữ. Thu nhập hàng tháng khoảng 10 triệu đồng/tháng. Chị đã có nhà riêng ngoài ra bố mẹ chị cũng phụ giúp chị trong việc chăm sóc hai cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th xác định vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập và gửi các văn bản tố tụng như thông báo mở phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đoàn tụ vợ chồng cho anh T. Anh T có mặt tại địa phương, anh T đều nhận được giấy triệu tập của Tòa án và các văn bản tố tụng Tòa án gửi tuy nhiên anh T không lên Tòa án làm việc nên Tòa án không biết quan điểm, nguyện vọng của anh T về việc giải quyết vụ án.

Người làm chứng: Bà Trần Thị G (mẹ đẻ anh T) và anh Phạm Văn Q là em trai chị Th đều xác định về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, về con chung, diễn biến cuộc sống hôn nhân của vợ chồng hôn nhân giữa anh T và chị Th đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T nghiện ma túy, có thời gian anh Tiến phải đi chấp hành án. Anh T không tu chí làm ăn nhiều khi còn lấy tài sản của gia đình đem đi bán để có tiền sử dụng ma túy. Trong thời gian anh, chị sống với nhau mâu thuẫn chủ yếu do anh T, đối với chị Th là người con dâu ngoan, không có mâu thuẫn gì với gia đình nhà chồng. Do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên chị Th có thời gian đi lao động nước ngoài. Đầu năm 2022 chị Th về nước nhưng không sống chung với anh T nữa mà chị Th về sống với bố, mẹ đẻ ở thôn Tây L, xã Thủ S, huyện Tiên Lữ. Hiện tại anh T vẫn sống ở địa phương. Đến nay, trước yêu cầu khởi kiện của chị Th thì quan điểm của bà G cũng như anh Q đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Quan điểm của chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh T và có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Vũ Văn H, sinh ngày 26/3/2009 và cháu Vũ Bảo

A, sinh ngày 02/3/2016 không yêu cầu anh T cấp dưỡng hàng tháng cho các con. Anh T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai ngăn cản.

Anh T trình bày thống nhất với chị Th về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, về con chung, diễn biến cuộc sống hôn nhân của vợ chồng. Anh T xác định vợ chồng có mâu thuẫn nguyên nhân do anh nghiện ma túy và có thời gian đi chấp hành án. Vợ chồng ly thân đã lâu, không ai quan tâm tới ai. Đến nay anh xác định không còn tình cảm với chị Th. Trước yêu cầu đề nghị ly hôn của chị Thương, anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh T cũng xác định vợ chồng có hai con chung là các cháu Vũ Văn H, sinh ngày 26/3/2009 và cháu Vũ Bảo A, sinh ngày 02/3/2016. Quan điểm của anh là nếu vợ chồng ly hôn anh cũng có nguyện vọng xin trực tiếp được nuôi dưỡng cháu Vũ Bảo A, sinh ngày 02/3/2016. Chị Th nuôi cháu Vũ Văn H, sinh ngày 26/3/2009. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Hiện nay anh T chỉ ở nhà, anh mới bị tai nạn xe nên không có công việc ổn định, thi thoảng anh sang làm phụ giúp bố mẹ anh công việc gia đình.

Về tài sản chung; công nợ; công sức; ruộng canh tác: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên. Hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo khách quan. Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Bị đơn chưa chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Th được ly hôn với anh T.

- *Về con chung:* Xét nguyện vọng chị Th, và anh T đều có nguyện vọng muốn nuôi con. Về điều kiện của anh T, anh T hiện không có công việc ổn định, thường xuyên vắng nhà. Đề nghị Tòa án giao cháu Vũ Văn H, sinh ngày 26/3/2009 và cháu Vũ Bảo A, sinh ngày 02/3/2016 cho chị Th được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị Th

nhưng được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Phạm Thị Th phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. *Về tố tụng*: Chị Phạm Thị Th khởi kiện xin ly hôn với anh Vũ Văn T có HKTT: Xóm 6, thôn Phương Tr, xã Phương Ch, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự. Ngày 07/7/2022 anh T có mặt, chị Th vắng mặt tại phiên Tòa nên Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST - HNGĐ và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 12/7/2022. Ngày 12/7/2022 chị Th có mặt, anh T vắng mặt tại phiên Tòa nên Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST - HNGĐ và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 21/7/2022.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Th và anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phương Ch, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên vào năm 2007 theo giấy chứng nhận kết hôn số 49/2007 ngày 05/12/2007. Do vậy, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc, anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T nghiện ma túy, anh T không những không phụ giúp kinh tế gia đình để nuôi con mà có khi còn lấy tiền của gia đình để mua ma túy sử dụng. Gia đình đã khuyên bảo nhiều nhưng anh T không thay đổi, không cai được nghiện. Mâu thuẫn của anh, chị trầm trọng vào tháng 04 năm 2019, chị Th về nhà bố mẹ để ở xã Thủ S để ở, vợ chồng chính thức ly thân nhau từ đấy, chị Th đi lao động ở nước ngoài, anh T vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án. Trong thời gian hai vợ chồng ly thân không ai quan tâm đến ai. Đầu tháng 3 năm 2022 chị Th về nước chị không về sống cùng anh T. Chị Th về nhà bố mẹ để ở tại xã Thủ S, huyện Tiên Lữ. Đến nay chị Th vẫn kiên quyết xin được ly hôn với anh T.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập anh T lên để lấy lời khai và hòa giải cho anh chị về đoàn tụ gia đình nhưng anh T không đến Tòa án để hòa giải cũng như đưa ra những biện pháp để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Điều này thể hiện anh T không có thiện chí đoàn tụ và xây dựng hạnh phúc gia đình với chị Th. Tại phiên tòa anh xác định anh chị không còn tình cảm với nhau, anh T thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng như chị Th trình bày, anh đồng ý ly

hôn với chị Th. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị Th đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên tại phiên tòa.

[3]. *Về con chung*: Anh chị có 02 con chung là cháu Vũ Văn H, sinh ngày 26/3/2009 cháu đang học lớp 7b trường trung học cơ sở An Viên và cháu Vũ Bảo A, sinh ngày 02/3/2016. Cháu H đang sống cùng chị Th, cháu Vũ Bảo A sống cùng anh T và bà nội. Anh T, chị Th đều có nguyện vọng được nuôi con chung khi vợ chồng ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, chị Th làm công nhân tại công ty may Tân Hưng tại huyện Tiên Lữ có mức thu nhập khoảng 10 triệu đồng/tháng. Với mức thu nhập như trên chị khẳng định sẽ chăm lo và nuôi dưỡng con cái được đầy đủ. Mặt khác hiện chị có nhà riêng và bố mẹ chị cũng giúp chị trong việc chăm sóc hai cháu. Trong khi đó, anh T là người nghiện ma túy không có công việc và thu nhập ổn định, thường xuyên vắng nhà nên không có điều kiện chăm lo cho cháu Vũ Bảo A. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi cho cháu H và cháu A về mọi mặt Hội đồng xét xử giao hai cháu Vũ Văn H, sinh ngày 26/3/2009 và cháu Vũ Bảo A, sinh ngày 02/3/2016 cho chị Th được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

[4]. *Về tài sản, công sức, nợ nần*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Chị Phạm Thị Th phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

[6]. Quan điểm, đề nghị của đại diện VKSND thành phố Hưng Yên tại phiên tòa về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51; 56, 57, 58; 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Th. Xử cho chị Phạm Thị Th được ly hôn anh Vũ Văn T.

- *Về con chung*: Giao cháu Vũ Văn H, sinh ngày 26/3/2009 và cháu Vũ Bảo A, sinh ngày 02/3/2016 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các

cháu H và cháu A cho đến khi cháu H, cháu A đủ 18 tuổi, thành niên. Anh Vũ Văn T có nghĩa vụ giao cháu Vũ Bảo A cho chị Phạm Thị Th thời điểm bắt đầu tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị nhưng anh T được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung:* Các đương sự không yêu cầu nên hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Phạm Thị Th phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001185 ngày 27/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên. Chị Th đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị đơn, vắng mặt nguyên đơn. Người có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh;
- VKS + THA TP;
- UBND xã, phường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Đăng Khuê

